

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Lan
2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1977, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Đình H, sinh năm 1980, vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Cư trú tại: Đội 1, thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Huỳnh Đình H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 08/12/2007 của UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống chung tại gia đình bên chồng được một thời gian ngắn, sau đó chị chuyển về quê tại xã T, thành phố Q sinh sống. Trong thời gian sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh H không có công việc và thu nhập nhưng lại cờ bạc, không có đóng góp để nuôi con. Vợ chồng kết hôn nhưng chỉ sống chung được một thời gian ngắn, không có sự quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Huỳnh Đình H.

Về con chung: Giữa chị và anh H có hai con chung, gồm: Huỳnh Đình T, sinh ngày 14/01/2008 và Huỳnh Đình T, sinh ngày 03/01/2013, hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng/02 con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2021, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của Chị Phan Thị T về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2007 và giữa vợ chồng có một con chung như chị T trình bày. Thời gian qua, vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh sinh sống tại xã B; chị T cùng với các con sinh sống tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể đoàn tụ được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Giữa anh chị có hai con chung như chị T trình bày, hiện các cháu đang ở cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý, vì hiện nay anh không có việc làm, không có thu nhập nên không đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa là không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

+ Về con chung: Xét thấy các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, bị đơn đồng ý giao cả hai con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho Chị Phan Thị T tiếp tục trong năm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, đã có lời trình bày và đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và Anh Huỳnh Đình H có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 08/12/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không sống chung với nhau trong thời gian dài.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H xác nhận giữa vợ chồng không còn sống chung thời gian dài, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng anh không đến Tòa để tham gia hòa giải. Việc giữa nguyên đơn và bị đơn xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phan Thị T.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đồng ý giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do đó, việc chị T

yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng con chung chưa thành niên và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn Anh Huỳnh Đình H.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đình T, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và cháu Huỳnh Đình T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2013 cho Chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xét.

4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003636, ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn
(Đăng ký kết hôn số 74, ngày 08/12/2007);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

